

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:.....

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☐; Giảng viên thỉnh giảng ☒
Ngành: Khoa học Trái đất – Mỏ;
Chuyên ngành: Địa lý Tài nguyên và Môi trường



A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: HOÀNG LƯU THU THỦY
2. Ngày tháng năm sinh: 06/12/1970; Nam ☐; Nữ ☒; Quốc tịch: Việt Nam;
Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không
3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒
4. Quê quán: Xã Diễn Cát, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số nhà 21, ngõ 129/639 đường Hoàng Hoa Thám, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, TP. Hà Nội.
6. Địa chỉ liên hệ:
Viện Địa lý, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, số 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội.
Điện thoại di động: 0918187668;
E-mail: thuy_hoangluu@yahoo.com
7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):
 - Từ năm 1994 đến năm 1996: Là cán bộ nghiên cứu làm việc theo hợp đồng dài hạn tại Viện Địa lý, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;
 - Từ năm 1996 đến năm 2009: Là cán bộ nghiên cứu (Nghiên cứu viên) thuộc biên chế Viện Địa lý, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

- Từ năm 2009 đến năm 2011: Là cán bộ nghiên cứu (Nghiên cứu viên chính), Phó phòng phụ trách phòng Địa lý Khí hậu, Viện Địa lý, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

- Từ năm 2011 đến năm 2018: Là cán bộ nghiên cứu (Nghiên cứu viên chính), Trưởng Phòng Địa lý Khí hậu, Viện Địa lý, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

- Từ năm 2018 đến nay: Là cán bộ nghiên cứu (Nghiên cứu viên cao cấp), Trưởng phòng Địa lý Khí hậu, Viện Địa lý, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Chức vụ hiện nay: Trưởng phòng; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó phòng phụ trách phòng

Cơ quan công tác hiện nay: Viện Địa lý, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Địa chỉ cơ quan: Nhà A27, số 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội;

Điện thoại cơ quan: 84-24 37563539;

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

- a) Thỉnh giảng tại khoa: Khoa học Môi trường và Trái đất, thuộc trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên.
- b) Thỉnh giảng tại Viện Tài nguyên và Môi trường, Trường Đại học Quốc gia Hà nội.
- c) Hiện là giảng viên kiêm nhiệm tại: Khoa Địa lý, Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm KHCNVN

8. Đã nghỉ hưu từ tháng..... năm.....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):.....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

- a) Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên;
- b) Viện Tài nguyên và Môi trường, Trường Đại học Quốc gia Hà nội;
- c) Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm KH&CN VN.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 13 tháng 7 năm 1993; Số hiệu bằng: A 32808; Ngành: Khí tượng – Thủy văn; chuyên ngành: Khí tượng; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam;

- Được cấp bằng ThS ngày 15 tháng 3 năm 2005; Số hiệu bằng: QM 001651; ngành: Khí tượng và Khí hậu học; Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Khoa học Tự

nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam;

- Được cấp bằng TS ngày 26 tháng 3 năm 2013; Số hiệu bằng: 001840; ngành: Địa lý; chuyên ngành: Địa lý Tài nguyên và Môi trường; Nơi cấp bằng TS: Viện Địa lý, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;

- Được cấp bằng TSKH ngày.... tháng... năm..., ngành:..., chuyên ngành:....

Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):.....

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày..... tháng..... năm....., ngành:.....

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Khoa học Trái đất - Mỏ.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- **Hướng thứ nhất:** Nghiên cứu Địa lý khí hậu

- **Hướng thứ hai:** Nghiên cứu địa lý khí hậu ứng dụng (biến đổi khí hậu, sinh khí hậu...) góp phần phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đang hướng dẫn phụ 01 NCS (Khóa 2015-2019) tại Học Viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam.

- Hướng dẫn chính 07 HVCH và hướng dẫn phụ 01 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS (năm 2015, 2019, 2020 và 2021), đang hướng dẫn chính 02 HVCH (Khóa 2021-2022);

- Chủ nhiệm 01 đề tài KH&CN cấp Quốc gia (đã nghiệm thu năm 2015).

- Chủ trì đề tài nhánh của 03 đề tài KH&CN cấp Quốc gia (đã nghiệm thu).

- Chủ trì 01 đề tài cấp Bộ (nghiệm thu năm 2020)

- Chủ nhiệm 01 đề tài cấp cơ sở năm 2010 (đã nghiệm thu).

- Đã công bố 57 bài báo, báo cáo khoa học liên quan đến các hướng nghiên cứu chính; trong đó có 03 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI, 01 bài báo khoa học trên tạp chí chuyên ngành quốc tế có mã số ISSN; 32 bài báo khoa học đăng trên Tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia; 21 báo cáo khoa học trong Kỷ yếu Hội nghị khoa học quốc gia và Kỷ yếu Hội nghị khoa học quốc tế.

- Đã xuất bản 05 cuốn sách, trong đó chủ biên 01 cuốn sách chuyên khảo, đồng chủ biên 01 cuốn sách thuộc nhà xuất bản Lambert Academic; tham gia viết 01 cuốn sách thuộc nhà xuất bản Springer, 01 cuốn thuộc nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và

Công nghệ và 01 cuốn sách nhà xuất bản Nghệ An.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

1) Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2019 (Quyết định số 294/QĐ-ĐL ngày 16/12/2019 của Viện trưởng Viện Địa lý.

2) Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2018 (Quyết định số 302/QĐ-ĐL ngày 12/12/2018 của Viện trưởng Viện Địa lý.

3) Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2017 (Quyết định số 306/QĐ-ĐL ngày 15/12/2017 của Viện trưởng Viện Địa lý.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):.....

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SU/PHÓ GIÁO SU

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo

Theo các Tiêu chuẩn của Nhà giáo quy định tại Khoản 2 Điều 61 Luật Giáo dục năm 2005, ứng viên thấy mình đã đáp ứng được đầy đủ các tiêu chuẩn đó với những ý kiến tự đánh giá như sau:

- Có phẩm chất đạo đức và tư tưởng tốt; luôn không ngừng tự rèn luyện và tu dưỡng bản thân và luôn đề cao tính trung thực, khách quan; có tinh thần hợp tác khoa học và giúp đỡ các đồng nghiệp trong công tác giáo dục giảng dạy, trong hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ cũng như trong cuộc sống.

- Ứng viên đã được đào tạo đạt trình độ chuẩn về chuyên môn tại các trường đại học và viện nghiên cứu khi thực tập, nghiên cứu nâng cao trình độ. Về nghiệp vụ, ứng viên đã được đào tạo tương đối cơ bản qua các bậc đào tạo, từ đại học, sau đại học và tiến sĩ, luôn tiếp tục tự đào tạo mình tại viện nghiên cứu trong quá trình thực hiện các công trình nghiên cứu hay thông qua các buổi thảo luận, hội thảo, thuyết trình về những vấn đề nghiên cứu trong các buổi sinh hoạt học thuật, bảo vệ đề tài khoa học. Đặc biệt, để phục vụ cho công tác giảng dạy đại học và sau đại học (giảng dạy các học phần, hướng dẫn sinh viên, HVCH, NCS làm khóa luận tốt nghiệp, luận văn, luận án) tại các trường đại học, ứng viên đã luôn tự trau dồi, bổ sung kiến thức, đặc biệt là những kiến thức mới, các kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học, các tác giả trong và ngoài nước về các lĩnh vực chuyên môn liên quan, nên trong những năm gần đây trình độ chuyên môn và nghiệp vụ của ứng viên, theo ứng viên tự đánh giá là cũng đã được nâng lên một cách đáng kể.

- Bản thân ứng viên có sức khỏe tốt có thể đáp ứng hoàn toàn việc tham gia công tác giảng dạy, hướng dẫn sinh viên, HVCH và NCS đi thực địa và làm các công việc khác của nhà giáo theo yêu cầu của nghề nghiệp.

- Ứng viên có lý lịch bản thân rõ ràng.

Sau nhiều năm làm công tác nghiên cứu, bản thân ứng viên đã thu nhận và đúc kết được nhiều kinh nghiệm nghiên cứu cũng như đã nâng cao được kiến thức khoa học chuyên ngành địa lý tài nguyên và môi trường cả về mặt lý luận và thực tiễn.

Vì sự nghiệp phát triển nền giáo dục của Đất nước, đặc biệt là công tác đào tạo sau đại học tại Khoa Địa lý, Học viện Khoa học và Công nghệ của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam - nơi ứng viên công tác, bản thân ứng viên luôn có mong muốn được chia sẻ những kiến thức đã được tích lũy của bản thân mình, các kinh nghiệm và kết quả nghiên cứu được tích lũy nhiều năm cho các thế hệ tiếp sau (sinh viên, HVCH, NCS) - Những thế hệ các nhà khoa học trẻ của Đất nước. Chỉ tính riêng hoạt động về lĩnh vực tài nguyên và môi trường tại Phòng Địa lý Khí hậu do ứng viên phụ trách, hàng năm Phòng nhận từ 2-3 em sinh viên của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường, đến thực tập về các kỹ năng nghiên cứu khoa học và nhất là các phương pháp nghiên cứu trong lĩnh vực khí hậu và tài nguyên môi trường.

Qua một số năm tham gia công tác đào tạo tại đơn vị công tác, cũng như ở một số cơ sở đào tạo đại học khác, tự đánh giá, ứng viên cho rằng mình đã luôn thực hiện tốt các nhiệm vụ của Nhà giáo như quy định trong Điều 63 Luật Giáo dục như:

- Thực hiện nhiệm vụ giáo dục, giảng dạy theo mục tiêu, nguyên lý giáo dục, thực hiện đầy đủ và có chất lượng chương trình giáo dục, đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cũng như các quy định của các cơ sở giáo dục mà bản thân ứng viên đã tham gia giảng dạy với vai trò là Giảng viên thỉnh giảng.

- Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của Pháp luật và điều lệ, các quy định của nhà trường.

- Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; tôn trọng nhân cách của người học, đối xử công bằng với người học, bảo vệ các quyền lợi, lợi ích chính đáng của người học và của cơ sở đào tạo.

- Không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tư tưởng chính trị, nêu gương tốt cho người học.

- Ứng viên luôn thực hiện tốt các nhiệm vụ công dân theo quy định của pháp luật.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

Tổng số 08 năm thâm niên đào tạo, trong đó 03 thâm niên đào tạo cuối như ở bảng dưới đây (Căn cứ chế độ làm việc đối với giảng viên theo quy định hiện hành)

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2014-2015							90/175/135
	Hướng dẫn			1	2			70/2+2*25=85
	28/8/2014						45	45*2=90
2	2015-2016							74.96/235.06/135
	Hướng dẫn		1		6			11.1+6*25=160.1
	27/01/2016-31/01/2016					30		37.72
	01/02/2016-05/02/2016					30		37.24
3	2016-2017							111.59/343.79/135
	Hướng dẫn		1	3				22,2+210=232,2
	21/10/2016-23/10/2016					30		38.84
	28/10/2016-30/10/2016					30		38.84
	15/1/2017-30/4/2017					30		33.91
4	2017-2018							200.84/398.04/135
	Hướng dẫn		1		7			22.2+7*25=197.2
	16/10/2017-29/11/2017						45	45*2=90
	03/11/2017-5/11/2017					30		38.84
	20/4/2018-29/4/2018						45	45*1.6=72
5	2018-2019							324/370.1/135
	Hướng dẫn		1	1				11.1+70/2=46.1
	03/09/2018-30/10/2018						45	45*2=90
	17/09/2018-30/10/2018						45	45*2=90

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
	04/01/2019-13/01/2019						45	45*1.6=72
	5/4/2019-5/5/2019						45	45*1.6=72
3 năm học cuối								
6	2019-2020							162/232/135
	Hướng dẫn			1				70
	23/8/2019-1/9/2019						45	45*1.6=72
	23/9/2019-30/10/2019						45	45*2=90
7	2020-2021							90/230/135
	Hướng dẫn			2				70*2=140
	12/10/20-30-11/20						45	45*2=90
8	2021-2022							180/180/135
	21/9/2021-29/10/2021						45	45*2=90
	25/2/2022-29/4/2022						45	45*2=90

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn:.....

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐; Tại nước:.....; Từ năm..... đến năm.....

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; Tại nước:.... năm....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:..... số bằng:.....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):.....

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:.....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): B2 Khung tham chiếu Châu Âu (sử dụng trong giao tiếp, làm việc với các chuyên gia nước ngoài, viết báo cáo, bài báo khoa học, tham khảo tài liệu).

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng.

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ..... đến.....	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Thanh Hải		x		x	2014-2015	Trường ĐH học Sư phạm, ĐH Thái Nguyên	18/8/2015
2	Vương Văn Vũ		x	x		2015-2016	Khoa sau ĐH, Đại học Quốc gia Hà Nội	12/9/2016
3	Nguyễn Thành Bắc		x	x		2015-2016	Khoa sau ĐH, Đại học Quốc gia Hà Nội	21/11/2016
4	Trần Thị Mùi		x	x		2016-2017	Khoa sau ĐH, Đại học Quốc gia Hà Nội	14/8/2017
5	Vũ Thị Mừng		x	x		2018-2019	ĐHQG Hà Nội, ĐH KHTN	26/8/2019
6	Hoàng Thanh Tùng		x	x		2019-2020	Đại học Thái Nguyên, Trường ĐH Khoa học	10/3/2020
7	Hoàng Minh Tuấn		x	x		2020-2021	Đại học Thái Nguyên, Trường ĐH Khoa học	29/9/2020
8	Phạm Quang Trung		x	x		2020-2021	Đại học Thái Nguyên, Trường ĐH Khoa học	3/2/2021

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang... đến trang)	Xác nhận của CS GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Sau khi được công nhận TS							
1	Downstream Mekong River Wetlands	CK	Lambert Academic Publishing;	02	Đồng chủ biên	36-121 133-138	- Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên.

	Ecosystem Assessment		ISBN: 978-3-330-07952-6, 2017				- Viện Tài nguyên và Môi trường, ĐHQG Hà nội.
2	Mức độ tổn thương do Biến đổi khí hậu của các ngành, lĩnh vực KT-XH vùng Bắc Trung bộ	CK	Nxb Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2019	7	Chủ biên		- Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên. - Viện Tài nguyên và Môi trường, ĐHQG Hà nội.
3	Human Ecology of Climate Change Harzards in Vietnam: Risks for Nature and Humans in Lowland and Upland Areas	CK	Springer International Puplicing AG, Part of Springer Nature ISBN: 978-3-319-94917-8 (eBook); 2018	16	Tham gia	37-60 72-79	- Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên. - Viện Tài nguyên và Môi trường, ĐHQG Hà nội.
4	Biến đổi khí hậu trong nông nghiệp Nghệ An, thực trạng và giải pháp	TK	Nhà xuất bản Nghệ An ISBN: 978-604-964-110-	10	Tham gia	61-64 165-168 196-201	- Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên. - Viện Tài nguyên và Môi trường, ĐHQG Hà nội.
5	Vấn đề nước Đắc Nông: thực trạng và giải pháp	CK	Nxb Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2021	8	Tham gia	116-162	- Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên. - Viện Tài nguyên và Môi trường, ĐHQG Hà nội.

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN /TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Giai đoạn 1: trước khi bảo vệ luận án tiến sỹ (trước năm 2013)				
1	Đề tài: Đánh giá biến đổi khí hậu vùng Trung bộ Việt Nam	Chủ nhiệm	Đề tài cấp cơ sở do Viện Địa lý quản lý	2010	2010 Xuất sắc
II	Giai đoạn 2: sau khi bảo vệ luận án tiến sỹ (từ năm 2013 trở lại đây)				
1	Đề tài: Đánh giá mức độ tổn thương của hệ thống kinh tế - xã hội do tác động của biến đổi khí hậu tại vùng Bắc Trung bộ (thí điểm cho tỉnh Hà Tĩnh)	Chủ nhiệm	Mã số: BĐKH-24; Thuộc Chương trình trọng điểm cấp Nhà nước (KHCN-BĐKH/11-15)	2013-2015	30/12/2015 Khá
2	Đề tài nhánh: Quan hệ giữa các chỉ số ENSO (SSTA, SOI) với cháy rừng Thuộc Đề tài: Nghiên cứu ứng dụng công nghệ viễn thám và hệ thống	Chủ trì ĐT nhánh	Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp thiết mới phát sinh ở địa phương	2012-2014	20/10/2016 Trung bình

	thông tin địa lý (GIS) xây dựng bản đồ phân vùng nguy cơ cháy rừng trên địa bàn tỉnh Phú Yên phục vụ bảo vệ và phòng chống cháy rừng		Cấp Nhà nước		
3	Đề tài nhánh: Nghiên cứu, xử lý, đánh giá số liệu khí tượng – khí hậu vùng Tây Nguyên và đề xuất giải pháp sử dụng đất bền vững. Thuộc Đề tài: Nghiên cứu tổng hợp thoái hóa đất, hoang mạc hóa ở Tây Nguyên và đề xuất giải pháp sử dụng đất bền vững.	Chủ trì đề tài nhánh	Mã số TN3/T01 Thuộc Chương trình KHCN trọng điểm cấp Nhà nước (KHCN-TN3/11-15)	2013-2014	30/5/2015 Khá
4	Đề tài nhánh: Tài nguyên khí hậu tỉnh Attapeu Thuộc Đề tài: Nghiên cứu đánh giá tổng hợp điều kiện tự nhiên, KT - XH vùng biên giới Việt – Lào (tỉnh Kon Tum và Attapeu) phục vụ quy hoạch các khu dân cư và phát triển bền vững	Chủ trì ĐT nhánh	Mã số: TN3/T12 Thuộc Chương trình KHCN trọng điểm cấp Nhà nước (KHCN-TN3/11-15)	2011-2015	16/11/2015 Khá
5	Đề tài: Nghiên cứu diễn biến khí hậu, thủy văn tỉnh Điện Biên giai đoạn 1996-2016 dưới tác động của biến đổi khí hậu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh	CN	Cấp tỉnh	2019-2020	Khá

Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1.a. Bài báo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/Báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Các bài báo giai đoạn trước khi bảo vệ luận án tiến sĩ							
1.	Kiểm kê lượng KNK phát thải do sử dụng đất lâm nghiệp và rừng ở Nghệ An và Hà Tĩnh năm 1997	4		Tạp chí các khoa học về trái đất/ISSN 0886-7187			3(T.22), 222-225	3/2000
2.	Phân bố đông và lốc trên lãnh thổ Việt Nam	4		Tạp chí các khoa học về trái đất/ISSN 0886-7187			1(T.26), 43-49	1/2004
3.	Những biến đổi của đặc trưng nhiệt do tác động của hồ chứa Hòa Bình	4		Tạp chí Khí tượng – Thủy văn ISSN 0866-8744			2(410), 12-20	2/1995
4.	Ảnh hưởng của hồ chứa Hòa Bình đến chế độ mưa, sương mù, đông khu vực	6		Tạp chí Khí tượng – Thủy văn ISSN 0866-8744			1(421), 11-17	1/1996

TT	Tên bài báo/Báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF,Qi)	Số trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
5.	Kết quả kiểm kê lượng khí nhà kính phát thải từ lĩnh vực sử dụng đất lâm nghiệp và rừng ở tỉnh Quảng Ninh năm 1996	4		Tạp chí Khí tượng – Thủy văn ISSN 0866-8744			12(468) 28-33	12/ 1999
6.	Bản đồ phân loại khí hậu khu vực Nam Trung bộ (Bình Thuận- Ninh Thuận) phục vụ nghiên cứu hoang mạc hóa	4		Tạp chí Khí tượng – Thủy văn ISSN 0866-8744			11(491) 36-46	11/ 2001
7.	Thành lập bản đồ phân bố lượng mưa của thời kỳ mưa lớn, đặc biệt lớn gây lũ lụt ở vùng Trung Tr.bộ	4		Tạp chí Khí tượng – Thủy văn ISSN 0866-8744			11(503) 30-41	11/ 2002
8.	Nghiên cứu xây dựng bản đồ chất lượng môi trường không khí tổng hợp trong hệ thống tin địa lý (GIS)	5		Tạp chí Khí tượng – Thủy văn ISSN 0866-8744			11(527) 25-32	11/ 2004
9.	Nghiên cứu thành lập bản đồ tổng hợp chất lượng môi trường không khí TP Vinh bằng GIS	3		Tạp chí Khí tượng – Thủy văn ISSN 0866-8744			12(540) 33-38	12/ 2005
10.	Sử dụng phương pháp tích hợp trong ARCVIEW GIS để xây dựng dữ liệu bản đồ phục vụ lập quy hoạch bảo vệ môi trường	3		Tạp chí Khí tượng – Thủy văn ISSN 0866-8744			552*, 6-12	12/ 2006
11.	Mối quan hệ giữa lượng mưa với các chỉ số ENSO trên các vùng thuộc lãnh thổ Việt Nam	2		Tạp chí Khí tượng – Thủy văn ISSN 0866-8744			553, 2-6	1/ 2007
12.	Thành lập bản đồ Quy hoạch bảo vệ môi trường thành phố Vinh bằng phương pháp bản đồ trong Arcview GIS	3		Tạp chí Khí tượng – Thủy văn ISSN 0866-8744			563*, 41-46	12/ 2007
13.	Cơ sở khoa học và thực tiễn của phương pháp luận xây dựng quy hoạch cơ sở hạ tầng môi trường ứng dụng thử nghiệm cho thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.	4		Tạp chí Khí tượng – Thủy văn ISSN 0866-8744			579, 32-39	3/ 2009
14.	Ứng dụng phương pháp của IPCC để kiểm kê lượng khí nhà kính phát thải từ đất lâm nghiệp và rừng tại Tây Nguyên năm 1995	4		Tạp chí Lâm nghiệp/ISSN 0866-7098				9/ 2000

TT	Tên bài báo/Báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF,Qi)	Số trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
15.	Đánh giá tài nguyên sinh khí hậu phục vụ phát triển sản xuất nông – lâm nghiệp vùng núi khô hạn Sốp Cộp, tỉnh Sơn La	2		TC Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn/ISSN 0866-7020			20/2006 72-76	10/ 2006
16.	Nghiên cứu tính biến động của lượng mưa và mối quan hệ với hoạt động của ENSO trong vùng từ Đà Nẵng đến Phú Yên	1	x	Kỷ yếu khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 2			tr192-199	2006
17.	Hiện trạng tai biến và tiềm năng tai biến môi trường tự nhiên tỉnh Nghệ An	2	x	Kỷ yếu khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 3			tr233-242	12/ 2008
18.	Nghiên cứu thành lập bản đồ phân vùng chức năng môi trường tỉnh Nghệ An	1	x	Kỷ yếu khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 5			tr931-940	6/ 2010
19.	Phân tích điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, KT-XH và MT – Cơ sở phân vùng chức năng môi trường tỉnh Nghệ An	2	x	Kỷ yếu khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 5			Tr365-374	9/ 2012
20.	Đề xuất một số biện pháp, chính sách và công cụ môi trường để quản lý môi trường tỉnh Quảng Ninh	1	x	Kỷ yếu HTKH Quốc gia. Những vấn đề MT và PTBV vùng Đông bắc dưới tác động của quá trình phát triển KT-XH trong thời kỳ CNH, HĐH			tr192-199	10/ 2007
II	Các bài báo sau khi bảo vệ luận án tiến sỹ							
2.1	Các bài báo quốc tế							
21.	Ecosystem Assessment of Cuu Long River Delta Wetland, Vietnam	3	X	Journal of Environmental Science and Management/ ISSN: 0119-1144	SCI-E	1	16(2), 36-45	12/ 2013
22.	Impacts of climate change on agro-ecological landscapes in the coastal area of the Thai Binh province (Vietnam) using the Delphi technique	14		International Journal of Climate Change Strategies and Management ISSN: 1756-8692	5-year Impact Factor (2018): 1.291	11	Vol.7, No2, 222-239	5/ 2015
23.	The analysis of mangrove forest changes period of 20 years in Can Gio	4		International Journal of UNESCO		1	Vol.2 Issue 2, 31-50	11/ 2018

TT	Tên bài báo/Báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	Biosphere Reserve, Vietnam using remote sensing and GIS techonogy			Biosphere Reserves ISSN 2731-7890 (online)				
24.	Biomass Estimation and Mapping of Can Gio Mangrove Biosphere Reserve in South of Vietnam Using Alos-2 Palsar-2 Data	6		Applied Ecology and Environmental Research ISSN 1589 1623 (Print) ISSN 1785 0037 (online)	SCI-E IF (2018): 0.689	2	17(1), 15-31	2019
25.	Using Sentinel Image Data and Plot Survey for the Assessment of Biomass and Carbon stock in Coastal Forests of Thai Binh Province, Vietnam.	6	X	Applied Ecology and Environmental Research 18(6): 7499-7514. http://www.aloki.hu ISSN 1589 1623 (Print) ISSN 1785 0037 (online)	ISI Impact Factor in 2018: 0.689		p.15-31	7/ 2020
26.	Potential of increasing intensity of tropical cyclones due to sea surface temperature and impact on coral reefs in the context of climate change	4	X	Disaster Advances E-ISSN No. 2278- 4543 PRINT-ISSN 0974-262X	Scopus		Volume No. 14(9), P. 1-7	9/ 2021
27.	Influence of some climatic factors on tourism activities on Co To Island, Vietnam	7		International Journal of Advanced and Applied Sciences	Scopus		8(9) 2021, Pages: 50-57	6/ 2021
28.	Measuring Adaptation Level of Lucrative Cash Crop against Biloclimatological Condition in Ha Giang Province	3		Proceedings of the International Conference on Livelihood Development and Sustainable Environmental Management in the Context of Climate Change (LDEM). ISBN: 978-604-60-2164-3			(63-630)/NN-2015, 243-250	2015
29.	Building Vulnerability Index of Public Health Caused by Climate Change in the North Central Region, Vietnam	3	X	Proceedings of the International Conference on Livelihood Development and Sustainable Environmental Management in the Context of Climate Change			(63-630)/NN-2015, 380-385	2015

TT	Tên bài báo/Báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF,Qi)	Số trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
				(LDEM). ISBN: 978-604-60-2164-3				
2.2	Các bài báo trong nước							
30.	Tiếp cận Địa lý học trong nghiên cứu môi trường (lấy ví dụ tỉnh Nghệ An)	1	X	Tạp chí Các khoa học về Trái đất/ ISSN 0886-7187			4(T.35), 395-402	12/ 2013
31.	Đặc điểm hoạt động của bão vùng ven biển Bắc Trung Bộ, Việt Nam giai đoạn 1960-2013.	4	X	Tạp chí Các khoa học về Trái đất ISSN 0886-7187			37(3), 146-155	9/ 2015
32.	Spatial distribution of hot days in north central region, Vietnam in the period of 1980-2013	2		Vietnam Journal of Earth Sciences, ISSN 0886-7187			Vol.41, No 1, 36-45	2/ 2019
33.	Sinh khí hậu và phát triển rừng ngập mặn ven biển Thái Bình	4		Tạp chí ĐHQG Hà Nội: Các khoa học Trái đất và Môi trường ISSN 2588-1094			Tập 33, số 1, 90-99	3/ 2017
34.	Tiếp cận phân vùng chức năng sinh thái trong định hướng tổ chức lãnh thổ tỉnh Thái Bình	3		Tạp chí ĐHQG Hà Nội: Các khoa học Trái đất và Môi trường ISSN 2588-1094			Tập 33, số 2, 1-11	6/ 2017
35.	Đánh giá mức độ tổn thương do tác động của Biến đổi khí hậu đến ngành du lịch tỉnh Hà Tĩnh	2	X	Tạp chí ĐHQG Hà Nội: Các khoa học Trái đất và Môi trường ISSN 2588-1094			Tập 34, số 1, 104-111	3/ 2018
36.	Assessing the Vulnerability of the Agricultural Sector in Nghe An Province Due to the Impact of Climate Change Taking into Account the Weight of Indicators	1	X	VNU Journal of Science: Earth and Environmental Sciences ISSN 2588-1094			Vol. 35, No. 4, 57-67	11/ 2019
37.	Xác định trọng số của các chỉ thị trong đánh giá tổn thương do biến đổi khí hậu đến ngành du lịch tỉnh Nghệ An	2	X	Tạp chí Khoa học, trường Đại học Sư phạm Hà Nội ISSN 2354-1075			Vol.62, Issue 3, 171-180	4/ 2017
38.	The assessment of bioclimatic conditions serving outdoor tourism activities in Gia Lai province	3	X	HNUE Journal of Science, Natural Sciences ISSN 2354-1075			Vol.64, Issue 10, 158-175	10/ 2019

TT	Tên bài báo/Báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
39.	Comparison of rainfall distribution between ground measurements and data capture from satellite in Ca river basin	2		HNUE Journal of Science, Natural Sciences ISSN 2354-1075			Vol.64, Issue 10, 183-192	10/ 2019
40.	An Evaluation of Meteorological Drought in Dak Lak Province	5	X	HNUE Journal of Science, Natural Sciences ISSN 2354-1059			Volume 66, Issue 3, 195-206	10/ 2021
41.	Đánh giá biến động stress nhiệt ở thành phố Hà Nội	4		HNUE Journal of Science, Natural Sciences ISSN 2354-1059			Vol. 67, Issue 1 115-122	3/ 2022
42.	Lựa chọn và tính toán trọng số các chỉ thị trong đánh giá tổn thương đến ngành nông nghiệp tỉnh Bình Định do tác động của biến đổi khí hậu	1	X	HNUE Journal of Science, Natural Sciences ISSN 2354-1059			Vol. 67, Issue 1 123-134	3/ 2022
43.	Nghiên cứu diễn biến hạn cho tỉnh Hải Dương đối với các tháng khô hạn trong bối cảnh biến đổi khí hậu	3		HNUE Journal of Science, Natural Sciences ISSN 2354-1059			Vol. 67, Issue 1 135-145	3/ 2022
44.	Phân tích quan hệ giữa chỉ số ENSO (SSTA, SOI, MEI) với cháy rừng tại tỉnh Phú Yên	3		Tạp chí Khí tượng – Thủy văn ISSN 0866-8744			646, 38-41	10/ 2014
45.	Đánh giá mức độ tổn thương đến sinh kế của người dân tại một số huyện ở tỉnh Hà Tĩnh do BĐKH	4	X	TC Khí tượng – Thủy văn ISSN 0866-8744			653, 6-12	5/ 2015
46.	Chỉ số tổn thương tới sức khỏe cộng đồng do tác động của Biến đổi khí hậu tại tỉnh Thanh Hóa	2	X	TC Khí tượng – Thủy văn ISSN 0866-8744			654, 27-33	6/ 2015
47.	Đánh giá mức độ tổn thương do biến đổi khí hậu của hệ thống KT-XH vùng Bắc Trung Bộ	3	X	TC Khí tượng – Thủy văn ISSN 0866-8744			659, 27-33	11/ 2015
48.	Đánh giá mức độ hạn khí tượng vùng đồng bằng sông Hồng trong xu thế biến đổi khí hậu	5	X	TC Nghiên cứu Địa lý Nhân văn, ISSN: 2354-0648			số 1(28) 11-17	3/ 2020
49.	Sự biến đổi của nắng nóng khu vực Bắc Trung Bộ giai đoạn 1980-2013	2		TC Khoa học Tài nguyên và Môi trường ISSN 0866-7608			Số 09, 81-89	9/ 2015

TT	Tên bài báo/Báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF,Qi)	Số trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
50.	Nghiên cứu nắng nóng ở vùng Bắc Trung bộ Việt Nam trong bối cảnh biến đổi khí hậu	3		Tạp chí Rừng và Môi trường ISSN 1859-1248			Số 74, 42-45	2015
51.	Biến đổi khí hậu vùng Trung Trung bộ	4	X	Kỷ yếu khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 7			tr392-399	10/2013
52.	Đánh giá điều kiện khí hậu phục vụ phát triển rừng ngập mặn dải ven biển Quảng Ninh - Hà Tĩnh	3		Kỷ yếu khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 7			Tr482-492	10/2013
53.	Nghiên cứu thành lập bản đồ sinh khí hậu sức khỏe con người tỉnh Quảng Bình	6		Kỷ yếu khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 8 ISBN: 978-604-918-437-6			Tr415-423	11/2014
54.	Phân vùng hạn Khí tượng ở Phú Yên	5	X	Kỷ yếu khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 8 ISBN: 978-604-918-437-6			Tr726-732	11/2014
55.	Đánh giá ảnh hưởng của ENSO đến điều kiện khô hạn/ngập úng tỉnh Nghệ An thông qua chỉ số cán cân nhiệt ẩm	2		Kỷ yếu HNKH Thanh niên lần thứ XIV, VAST; ISBN: 978-604-913-494-4			Tr35-41	10/2016
56.	Đánh giá hiện trạng mức độ khô hạn vùng Bắc Trung bộ	1	X	Kỷ yếu khoa học Địa lý lần thứ 9; ISBN: 978-604-913-513-2			Quyển 1, 536-543	12/2016
57.	Nước dâng do bão ở vùng bờ các tỉnh Bắc Trung bộ, Việt Nam	3		Kỷ yếu khoa học Địa lý lần thứ 9 ISBN: 978-604-913-513-2			Quyển 1, 821-830	12/2016
58.	Nghiên cứu xây dựng bản đồ sinh khí hậu tỉnh Lâm Đồng, tỷ lệ 1/100.000 phục vụ quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học	5	X	Kỷ yếu khoa học Địa lý lần thứ 9 ISBN: 978-604-913-513-2			Quyển 1, 1138-1145	12/2016
59.	Đánh giá tổn thương do tác động của biến đổi khí hậu đến ngành du lịch tỉnh Nghệ An	2	X	Kỷ yếu khoa học Địa lý lần thứ 9 ISBN: 978-604-913-513-9			Quyển 2, 645-652	12/2016
60.	Biến đổi khí hậu, toàn cầu hóa và ảnh hưởng của chúng đến quá trình phát triển ở Việt Nam	1	X	Kỷ yếu khoa học Địa lý lần thứ 10 ISBN: 978-604-913-693-1			Quyển 1, 591-601	4/2018

TT	Tên bài báo/Báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
61.	Bước đầu nghiên cứu thành lập hệ thống chú giải bản đồ sinh khí hậu phục vụ hoạt động du lịch tỉnh Gia Lai	3		Kỷ yếu khoa học Địa lý lần thứ 10 ISBN: 978-604-913-694-8			Quyển 2, 412-418	4/ 2018
62.	Đánh giá mức độ hạn khí tượng vùng Đồng bằng sông Hồng	3		Kỷ yếu khoa học Địa lý lần thứ 10 ISBN: 978-604-913-694-8			Quyển 2, 419-424	4/ 2018
63.	Đánh giá điều kiện sinh khí hậu phục vụ phát triển du lịch tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	6	X	Hội nghị Quốc gia về khoa học Địa lý ISBN: 978-604-913-773-0			413-422	11/ 2018
64.	Đánh giá điều kiện sinh khí hậu phục vụ phát triển du lịch vùng đồng bằng sông Hồng, Việt Nam	6	X	Kỷ yếu khoa học Địa lý lần thứ XI ISBN: 978-604-918-437-6			Quyển 1, 293-313	4/ 2019
65.	Nghiên cứu sinh khí hậu – lý luận và thực tiễn ứng dụng ở Việt Nam	4		Kỷ yếu khoa học Địa lý lần thứ XII; ISBN: 978-604-334-789-0			Quyển 1, 33-39	7/ 2021
66.	Đánh giá mức độ hạn khí tượng tỉnh Quảng Ninh trong xu thế biến đổi khí hậu	6		Kỷ yếu khoa học Địa lý lần thứ XII; ISBN: 978-604-334-789-0			Quyển 1, 157-165	7/ 2021
67.	Xác định trọng số các chỉ thị trong 3 biến thành phần của hàm tổn thương do tác động của biến đổi khí hậu đến ngành du lịch tỉnh Quảng Ninh	5		Kỷ yếu khoa học Địa lý lần thứ XII; ISBN: 978-604-334-789-0			Quyển 2, 213-222	7/ 2021

- Giai đoạn trước khi bảo vệ luận án tiến sĩ (trước năm 2003) đã có 20 bài báo đăng trên các tạp chí, kỷ yếu khoa học, trong đó có: 1 bài trên tạp chí Các khoa học về Trái đất; 12 bài trên Tạp chí Khí tượng – Thủy văn; 1 bài trên Tạp chí Lâm Nghiệp; 1 bài trên Tạp chí Nông nghiệp phát triển Nông thôn và 05 bài đăng trong các kỷ yếu hội nghị quốc gia.

- Giai đoạn sau khi bảo vệ luận án tiến sĩ (từ năm 2013 trở lại đây), đã đăng được 47 bài trên các tạp chí khoa học quốc tế, tạp chí quốc gia và kỷ yếu hội nghị có uy tín. Cụ thể như sau:

+ Bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín: 07 bài

- + Bài báo đăng trên tạp chí quốc gia: 21 bài
- + Bài báo đăng trên kỷ yếu hội thảo Quốc tế có ISBN: 02 bài
- + Bài báo đăng trên kỷ yếu khoa học Địa lý toàn quốc: 17 bài

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/ Quốc tế	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						
...						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS): ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☒

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: Sách “*Mức độ tổn thương do biến đổi khí hậu của các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội vùng Bắc Trung bộ*”, Nxb Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2019.

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà nội, ngày 26 tháng 6 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Hoàng Lưu Thu Thủy